TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2023/HS-ST
Ngày: **06/02/2023**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Trương Thị Tố Uyên.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Khương Thị Lơ** và bà **Trần Thị Khanh**

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông ***Trần Mạnh Hà*** - Thư ký Toà án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà ***Đỗ Thị Xoa*** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 10/2023/HSST ngày 19 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐ-HSST ngày 27 tháng 01 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đào Văn K**, sinh năm 1989; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh H; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: công nhân; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đào Văn K1 (đã chết) và bà bà Lê Thị N, sinh năm 1963; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là thứ hai; có vợ Lý Thị D, sinh năm 1989; Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2022. Nhân thân: Bản án số 51/2018/HSST ngày 08/8/2018, Toà án nhân dân huyện C, tỉnh H xử phạt 36 tháng tù, về tội Cướp giật tài sản (trị giá tài sản 4.920.000đ). Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/5/2020 và các quyết định khác của bản án. Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/01/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:* Chị **Trần Thị D1**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh H;

** Người làm chứng:*

1. Chị Lý Thị D2, sinh năm 1989
2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận

tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 02/01/2023, Đào Văn K điều khiển xe môtô nhãn hiệu Honda loại Vision, màu đỏ, BKS 22B2-158.30 (xe mượn của vợ K là chị Lý Thị D) đi đến khu vực chợ thôn Đ, xã L, huyện C mua thức ăn. Tại đây, K nhìn thấy chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda loại Vision, màu đỏ, BKS 34B1-97852 của chị Trần Thị D1, sinh năm 1984, ở thôn T, xã V, huyện B, tỉnh H đang dựng cạnh chiếc xe môtô của K. Trong hộc xe của chị D1 để chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A54, màu xanh, ốp lưng điện thoại bằng nhựa dẻo trong suốt, gắn sim 0868.376.943. K quan sát xung quanh thấy chị D1 không để ý chiếc điện thoại nên đã dùng tay phải lấy chiếc điện thoại của chị D1 cất vào trong túi áo rồi K điều khiển xe về nhà. K để chiếc điện thoại trộm cắp ở đầu giường thì chị Lý Thị D nhìn thấy hỏi K thì K nói dối nhặt được ở chợ. Ngày 02/01/2023, chị D1 có đơn trình báo, vụ án được điều tra làm rõ. Ngày 05/01/2023, Cơ quan điều tra quản lý 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A54, màu xanh, gắn sim 0868.376.943 do Đào Văn K tự nguyện giao nộp. Ngày 05/01/2023, chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988, ở thôn Đ, xã L, huyện C giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 đoạn video clip trích xuất từ camera tại cửa hàng tạp hóa của chị H quay lại diễn biến sự việc K trộm cắp tài sản.

Kết luận định giá tài sản số 01/KL- HĐĐG- TTHS ngày 06/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện C, kết luận: 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A54, màu xanh, kèm theo sim số 0868.376.943, đã qua sử dụng, trị giá 2.400.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 16/01/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Giàng đã trả lại cho chị D1 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A54, màu xanh, có ốp lưng điện thoại bằng nhựa dẻo trong suốt, kèm theo sim số 0868.376.943. Sau khi nhận lại tài sản, chị D không yêu cầu K phải bồi thường dân sự. (Trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong).

Vật chứng vụ án: Đối với chiếc xe môtô BKS 22B2-158.30, là tài sản hợp pháp của chị Lý Thị D, chị D không biết K sử dụng xe môtô làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra không quản lý. 01 (một) đĩa CD lưu giữ hình ảnh K "Trộm cắp tài sản" được lưu tại hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Người bị hại là chị Trần Thị D1 có đơn xác định đã nhận lại tài sản là chiếc điện thoại nguyên vẹn, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đồng thời xin được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại Cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 18/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh H truy tố bị cáo Đào Văn K về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh H giữ quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đào Văn K phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đào Văn K từ 06 *(Sáu)* đến 08 *(Tám)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/01/2023; Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết; Về vật chứng: Đề nghị quản lý 01 (một) đĩa CD lưu giữ hình ảnh K "Trộm cắp tài sản" được lưu tại hồ sơ vụ án; Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện C, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 02/01/2023, tại khu vực chợ thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh H, Đào Văn K lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản đã lén lút trộm cắp chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A54, màu xanh, ốp lưng điện thoại bằng nhựa dẻo trong suốt, kèm theo sim số 0868.376.943, trị giá 2.400.000đ của chị Trần Thị D1, sinh năm 1984, ở thôn

T, xã V, huyện B, tỉnh H. Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang cho nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh xã hội. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện. Như vậy, xác định bị cáo thể hiện ý thức coi thường pháp luật; hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh H truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (được viết tắt là TNHS) của bị cáo thì thấy: Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện C xét xử 36 tháng tù về tội Cướp giật tài sản (trị giá tài sản 4.920.000đ), bị cáo mới chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/5/2020 và các quyết định khác của bản án nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên xác định bị cáo có nhân thân xấu. Tuy nhiên, lần phạm tội này bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo khai báo thành khẩn, bị cáo tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại tại Cơ quan Công an với mục đích tự nguyện khắc phục hậu quả trả lại cho người bị hại tài sản đã chiếm đoạt; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đó là các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[4] Về hình phạt chính: Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. HĐXX, nhận thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thể hiện ăn năn và hối cải về hành vi của bị cáo đã thực hiện, bị cáo không dự mưu đi trộm cắp tài sản từ trước mà do người bị hại để tài sản sơ hở bị cáo mới nảy sinh ý định chiếm đoạt. Nên cần áp dụng một hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt biết tôn trọng và chấp hành pháp luật.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Xét bị cáo không có việc làm, không có thu nhập và không tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại là chị Trần Thị D1 xác định đã nhận lại chiếc điện thoại nguyên vẹn do bị cáo trộm cắp, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng: Quản lý 01 (một) đĩa CD lưu giữ hình ảnh K "Trộm cắp tài sản" tại hồ sơ vụ án.

[8] Những vấn đề khác: Chị Lý Thị D là người cho K mượn xe môtô nhưng không biết K sử dụng vào việc phạm tội nên không có căn cứ xử lý là phù hợp qui định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên buộc phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. *Tuyên bố* bị cáo Đào Văn K phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Đào Văn K **06** *(Sáu)* tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 06/01/2023.

2. *Về vật chứng:* Quản lý 01 (một) đĩa CD lưu giữ hình ảnh K "Trộm cắp tài sản" tại hồ sơ vụ án.

3. *Về án phí:* Buộc bị cáo K phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Quyền kháng cáo:* Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại (chị D1) vắng mặt có quyền kháng cáo bản án thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam-Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT- Công an huyện Cẩm Giàng;
- Cơ quan THAHS-Công an huyện Cẩm Giàng;
- Cơ quan THAHS-Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan hồ sơ nghiệp vụ ngành Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VPTA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trương Thị Tố Uyên